

## Tác Giả và Tác Phẩm

### **Bàng Bá Lân** (Phần 2)

**Tiểu sử & Tác phẩm**  
(Xem *Vài hàng về tác giả*)



### **Mục Lục**

Vài hàng về tác giả - 2  
Bàng Bá Lân: Múc ánh trăng vàng - Nguyễn Đỗ - 3  
Ca dao mãi là ca dao – Huỳnh Hữu Đức - 6

### **Phụ đính I**

Bàng Bá Lân, chỉ một bài thơ “Đói” – Viên Linh – 10  
"Cổng làng" của Bàng Bá Lân – Đào Ngọc Đệ - 14  
Bàng Bá Lân, làm thơ để sống lại quá khứ - Viên Linh – 15  
Bàng Bá Lân – Hoài Thanh & Hoài Chân - 18

### **Phụ đính II**

**Chùm thơ Bàng Bá Lân**  
(tr 21)

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả

Bàng Bá Lân (1912-1988), tên thật là Nguyễn Xuân Lân; là nhà thơ, nhà giáo, và là nhà nhiếp ảnh Việt Nam. Ông sinh ngày 17 tháng 12 năm 1912 ở phố Tân Minh, Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, chính quán của ông lại là làng Đôn Thụ, tổng Ngô Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Năm 1929 -1933, ông vào học (trường Bưởi, đỗ bằng thành chung. Vì thi tú tài mấy lần không đỗ, năm 1934 ông về Kép vui thú điền viên, làm thơ, chụp ảnh và xuất bản tập thơ đầu tiên *Tiếng thông reo*. Và sau đó là *Xưa*, *Tiếng sáo diều* (1939 -1945).

Vào Sài Gòn, ông dạy học và cộng tác với nhiều nhật báo, tuần san, bán nguyệt san và xuất bản thêm: *Để hiểu thơ* (1956, *Thơ Bàng Bá Lân* (1957), *Tiếng võng đưa* (1957).

Năm 1969, xuất bản các tập truyện: *Người vợ câm*, *Vực xoáy*, *Gàn bát sách* (phiếm luận) và tập thơ *Vào thu*. Ông cũng cho in hai quyển sách *Kỷ niệm văn, thi sĩ hiện đại* cùng một số sách *Giáo khoa Việt văn* cho nhiều cấp lớp. Ông còn đứng làm chủ bút tập san *Bông Lúa* vào thập niên 1950 ở Sài Gòn.

Từ 1977 đến 1984, Bàng Bá Lân viết thêm *Kỷ niệm văn, thi sĩ hiện đại* quyển 3, hồi ký *Trọn đời cho thơ*. Ngoài ra, ông còn viết truyện ký danh nhân *Anh em Lumière, ông tổ nhiếp ảnh*, viết sách bình khảo, dịch truyện, dịch thơ v.v.

Trong lãnh vực nhiếp ảnh, Bàng Bá Lân cũng tỏ ra là một người có tài năng. Ông từng đoạt những giải thưởng, như: Giải Agfa-Việt báo (Hà Nội, 1937), giải nhì cuộc thi ảnh tạo phủ Thống sứ Bắc Kỳ (1938), huy chương của *La Revue Francaise de Photographie et de Cinematographie* (tạp chí nhiếp ảnh và điện ảnh Pháp) ở Paris (1939), giải thưởng Ferrania (1953); giải thưởng Triển lãm Tuần lễ Văn nghệ Sài Gòn (1955)...Các tác phẩm nhiếp ảnh được triển lãm ở Hội quán Hội Trí Tri, (Hà Nội, 1939), Bologna (Ý, 1952), Antwerpen (Bỉ, 1953), Paris (Pháp, 1953), Singapore (1953), Cuba (1954), Rochester (Mỹ, 1956)...

Ngày 20 tháng 10 năm 1988, Bàng Bá Lân qua đời tại Sài Gòn, thọ 76 tuổi.

\*\*\*

Hoài Thanh và Hoài Chân nhận xét về thơ Bàng Bá Lân như sau:

"Đồng quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng... thường lưu luyến cảnh ấy. Bởi thế có lúc người đã cảm được hồn quê vẫn bàng bạc sau cảnh vật"...

Trong *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, Nguyễn Tấn Long nhận xét tương tự:

"Thi sĩ Bàng Bá Lân là một nhà thơ đồng quê nổi tiếng, thường ghi lại những nếp sinh hoạt của người dân miền thôn dã. Một buổi chiều mùa hạ, cảnh hoàng hôn vào độ cuối thu, một miền đất Cà Mau trù phú, một đế đô Hà Nội mến yêu vv...là đề tài chính của thi sĩ nên được giới yêu thơ tặng cho danh hiệu "nhà thơ của đồng áng", thiết tưởng không có gì quá đáng.

Ngoài khía cạnh độc đáo của nhà thơ họ Bàng-loại thơ đồng quê. Đến đây chúng tôi xin nói đến phần khác: "thi ca tình yêu". Về loại này, ông không có nhiều...Tuy nhiên trong số ít đó, ông cũng tỏ ra có một giọng thơ "mượt" khi tỏ tình yêu, nhưng là thứ tình yêu nhẹ nhàng, dù yêu tha thiết cũng không bộc lộ sẵn sàng, nó phải là thứ "tình trong như đã mặt ngoài còn e.

## Bàng Bá Lân: Múc ánh trăng vàng Nguyễn Đỗ

Tôi vẫn thường nghe thầy cô tôi dạy văn chương truyền khẩu, ca dao là những câu thơ, lời nói mộc mạc hay văn hoa của người dân thường hay các văn nhân thi sĩ phản ánh đúng hay tạo cảm xúc cho người nghe được truyền đi truyền lại và trở thành vốn liếng chung của mọi người. Các thầy cô trưng dẫn hai câu thơ của Bàng Bá Lân làm ví dụ:

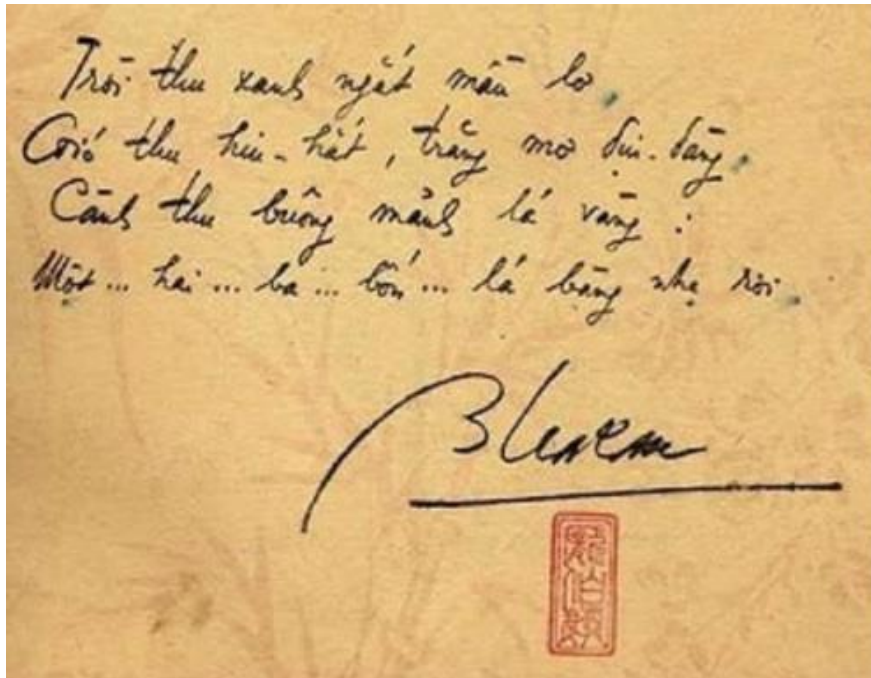
Hỡi cô tát nước bên đàng  
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

Quả thực không có gì vinh dự cho người nào bằng những lời nói, câu văn, câu thơ được chấp nhận như một tài sản quý báu của dân tộc như bài Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt hay bài Hịch Tướng Sĩ của Trần Quốc Tuấn, Bình Ngô Đại Cáo của Lê Lợi hay hai câu thơ trên của Bàng Bá Lân.

Nhà thơ Bàng Bá Lân nguyên họ Nguyễn Xuân, mới đổi sang họ Bàng được ba đời nay, sinh năm 1912, tại phố Tân Ninh, phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang, chánh quán làng Đôn Thư, phủ Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Sau 1945 di cư vào Sài Gòn, dạy học ở các trường tư thục, tiếp tục sáng tác văn thơ; có thời gian làm chủ bút kiêm chủ nhiệm nguyệt san Đông Lúa (Sài Gòn 1956).

Tác phẩm đã xuất bản gồm các tập thơ "Tiếng thông reo (1934)", Xưa (chung với Anh Thơ năm 1941), Tiếng võng đưa (1957), Vào thu (1969). Ông cũng là nhà biên khảo và dịch thuật, đã xuất bản: Việt văn bình giảng (1962), Vài kỷ niệm về các thi văn sĩ hiện đại (2 tập, 1962 –1963), Người vợ cầm (1969), Vực xoáy (1969), Phương pháp giáo dục mới (1971), Thầy giáo làng (1971), bốn cuốn sau là văn dịch.



Bút tích Bàng Bá Lân

Báo chí và đài phát thanh cũng từng là khung cảnh cho hoạt động văn nghệ của ông. Chưa nói đến một nghề có lẽ đã nuôi sống ông nhiều hơn: nghề nhà giáo. Từ trường Dũng Lạc (Hà Nội) đến các trường Văn Lang, Cộng Hoà, Hoàng Việt, Lê Bảo Tịnh ở Sài Gòn, nhiều thế hệ học sinh đã thích thú nghe ông giảng văn bình thơ và còn giữ mãi kỷ niệm về ông.

Ông còn là nhà nhiếp ảnh nghệ thuật, từng triển lãm và được nhiều giải thưởng trong nước và ở nước ngoài.

Thơ ông gắn liền với làng quê sông núi gây nhiều ấn tượng và cảm xúc lâu dài cho người đọc. Bàng Bá Lân mất năm 1988.

Trở lại vấn đề hai câu thơ của Bàng Bá Lân đã đi vào ca dao, tôi nghe đã lâu nhưng lúc đó cũng không tò mò thắc mắc hỏi xem nguồn gốc từ bài thơ nào, nên bây giờ muốn tìm hiểu cũng không có dữ liệu cụ thể ngoài một bài viết của một người đồng hương ở Bắc Giang với Bàng Bá Lân.

Tôi xin trích nguyên văn ở đây để mọi người cùng tham khảo, biết đâu chừng các anh chị có thể tìm ra được nguyên bản của Bàng Bá Lân.



### Hãy trả thơ về cho Bàng Bá Lân!

Hai câu thơ của nhà thơ Bắc Giang: Bàng Bá Lân; và nguyên văn của nó chắc chắn là: "Sao cô lại mướt trắng vàng đồ đi" chứ không phải "Mướt ánh trắng vàng đồ đi".

Năm 1972, một anh bạn rủ tôi đến thăm nhà thơ Bàng Bá Lân ở một cái hẻm lớn trên đường Công Lý, Sài Gòn. Hôm ấy là Chủ nhật, ông không phải lên lớp (ông dạy ở Đại học Văn khoa Sài Gòn).

Thực ra, trước khi gặp ông, tôi cũng đã biết đến ông, một nhà thơ tiền chiến quê Bắc Giang, ông nói với tôi là đồng hương. Tôi còn biết ông phụ trách một tiết mục trên đài truyền hình Sài Gòn hồi đó.

Tiết mục mà ông phụ trách là trưng ra nhiều bức hình tư liệu về đời sống, sinh hoạt của mọi tầng lớp dân chúng ở miền Bắc trước năm 1955 như: xe thồ, đi dân công, chống lụt ở vùng chiêm trũng...

Ông có vóc người trung bình, nhanh nhẹn, trang phục bình dân, giản dị. Ông nói chuyện với chúng tôi về thời sự, kinh tế, rồi văn học, văn chương truyền miệng, thơ...

Ông thuộc rất nhiều, giọng đọc thơ rất hay. Ông đọc từ thơ tiền chiến đến thơ Đường, thơ Pháp. Nghe ông đọc, như bị thôi miên. Chờ khi ông ngừng nghỉ một lát, tôi mới nói chen vào, rằng trong ca dao Việt Nam tôi rất thích hai câu:

*Hỡi cô tát nước bên đàng  
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*

Tức thì nhà thơ ngắt lời tôi. Ông bảo hai câu thơ đó là trích trong một bài thơ lục bát gồm 12 câu của ông. Rồi ông đọc liền một mạch cả bài thơ đó. Nhưng ông sửa lại câu 8 mà tôi vừa dẫn trên là:

"Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi"

Và ông giải thích: Người ta không thể "múc ánh trăng vàng" mà là "múc trăng vàng" ở dưới nước. Khi cái gầu của cô gái trong câu ca dao, chìm xuống nước thì mặt trăng tan vỡ ra trong nước, hòa với nước, sóng sánh cùng với nước.

Thế là cô gái múc nước tát lên ruộng cao cũng đồng thời múc luôn cả vàng trăng tan vỡ trong đó. Trường hợp này cũng tương tự trong bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ. Bài thơ có câu: "Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan". Ở đây con hổ không hề đứng ngửa mặt lên trời để uống ánh trăng trong không khí mà là uống trăng tan trong dòng suối sau khi đã "say mồi".

Nghe nhà thơ giảng nghĩa như vậy, chúng tôi từ chỗ ngỡ ngàng đến khâm phục. Hai câu thơ trên là của nhà thơ Bắc Giang: Bằng Bá Lân; và nguyên văn của nó chắc chắn là: "Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi" chứ không phải "Múc ánh trăng vàng đổ đi".

Mãi về sau này cũng có một vài người lên tiếng công nhận hai câu ca dao trên là của Bằng Bá Lân, trong đó có Giáo sư Huyền Viêm có bài đăng trên "Kiến thức ngày nay".

Tuy nhiên, ít ai chỉ rõ sự khác nhau giữa: "Múc ánh trăng vàng" và "Lại múc trăng vàng" như vừa nêu trên. Theo thiển nghĩ của chúng tôi, sở dĩ có sự lầm lẫn trên là do tam sao thất bản.

Rằng, quyển "*Ca dao tục ngữ Việt Nam*" của tác giả Vũ Ngọc Phan có in hai câu ca dao trên được xuất bản sau năm 1955 ở miền Bắc, còn tác giả của nó tức là nhà thơ Bằng Bá Lân lại di cư vào Nam từ năm 1954. Vì thế nhà thơ không được đọc quyển sách biên khảo của Vũ Ngọc Phan, không thấy sự nhầm lẫn đáng tiếc kể trên để lên tiếng cải chính.

Từ đó đến khi ông mất (1988), tôi chưa hề được gặp lại nhà thơ Bằng Bá Lân. Thỉnh thoảng gặp vài người bạn cố tri có lòng yêu mến văn chương, tôi lại đem tâm sự trên kể cho họ nghe. Suốt thời gian dài ấy, tôi cứ lòng dặt lòng bắt cứ khi nào có dịp tôi sẽ đưa niềm tâm sự đó lên mặt báo. Rằng, nếu chưa làm được điều này thì tôi còn day dứt chưa yên. Rằng, món nợ tinh thần với nhà thơ đồng hương vẫn chưa trả được.

Bắc Giang, tháng 6/2007  
Hoàng Chí Quang  
06 Lê Lợi, T.T Chũ Lục Ngạn, Bắc Giang

Bài viết của ông Hoàng Chí Quang về lời giải thích của nhà thơ Bằng Bá Lân rất có lý. Người ta không thể "múc ánh trăng vàng" mà là "múc trăng vàng" ở dưới nước. Khi cái gầu của cô gái trong câu ca dao, chìm xuống nước thì mặt trăng tan vỡ ra trong nước, hòa với nước, sóng sánh cùng với nước, tạo một hình ảnh rất nên thơ và thực tế. Múc ánh trăng vàng đã hay, nhưng

mức trăng vàng hay hơn và càng sinh động hơn. Sự chuyển hóa có lẽ là tam sao thất bản hay truyền miệng nhau nên mất đi phần nào tính nguyên thủy của hai câu thơ. Thiết tưởng đã đến lúc chúng ta cần phục hồi hai câu thơ tuyệt vời kia, trả về nguyên chủ là Bằng Bá Lân đã viết hai câu thơ thật hay đó.

[Hỡi cô tát nước bên đàng](#)

[Sao cô lại mức trăng vàng đỏ đi](#)

Bài này vừa đăng lên, anh Tuấn Tú cũng là người yêu chuộng thơ và thích làm thơ đã bổ sung thêm với bài Trăng Quê, được 6 câu không biết tại sao mất hai câu đầu và bốn câu cuối theo như bài viết của Hoàng Chí Quang đã viết ở trên.

## Trăng quê

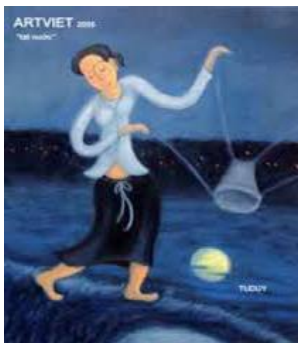
Trời cao, mây bạc, trăng tròn,  
Đế than hiu-quạnh, tre buồn nỉ-non  
Điều ai gọi gió véo-von,  
Cành xoan đùa ánh trăng sông dịu-dàng...  
- Hỡi cô tát nước bên đàng!  
[Sao cô lại mức trăng vàng đỏ đi?](#)

Trích trong tập *Thơ Tình* Bằng Bá Lân

Ai có thể truy tìm được trọn bài thơ *Trăng quê* xin hãy viết lên đây cho đầy đủ bộ nhé! Cũng là duyên nợ văn chương với nhà thơ Bằng Bá Lân đã sáng tác được những câu thật hữu cảnh hữu tình, êm ái dịu dàng đi vào lòng dân tộc một cách tuyệt vời.

## Ca dao mãi là ca dao

### Huỳnh Hữu Đức



Ca dao, những câu thơ chan chứa tình người, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, là kho tàng quý báu trong văn hoá dân tộc. Nếu có được những câu thơ; được mọi người chấp nhận; trở thành ca dao, thì đó là một vinh dự to lớn của nhà thơ. Chính vì thế, có nhiều tác giả mượn ca dao đưa vào thơ. Một thời gian, sau khi tác giả qua đời, những người thân quen tung tin là câu ca dao đó là của tác giả này, câu ca dao kia là của tác giả nọ, ...thế là mọi chuyện dường như loạn cả lên, làm dậy sóng một thời. Với những ai đồng tình, chuyện coi như xong. Riêng những người nghi ngờ thì thấy có gì canh cánh bên lòng.

Điển hình là trường hợp nhà thơ đồng quê nổi tiếng Bằng Bá Lân với câu ca dao:

[Hỡi cô tát nước bên đàng](#)

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

Một số người cho rằng đây là câu thơ của Bàn Bá Lân trong bài thơ *Trăng quê*. Hai câu của Bàn Bá Lân có khác chút ít :

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi...

Khởi đầu là bài viết của Hoàng Chí Giang (người cùng quê với Bàn Bá Lân), đăng trên báo Tiền Phong ngày 07/10/2007.

Xin được Trích ý bài viết vào tháng 6/ 2007.

Ông Chí Giang trong lần đến nhà Bàn Bá Lân, được chính tác giả cho biết hai câu thơ trên là của Ông, là câu thứ 6&7 trong bài thơ lục bát 12 câu có tựa là "Trăng quê":

Bàn Bá Lân giải thích rằng:" Người ta không thể múc ánh trăng vàng" mà là " Múc trăng vàng dưới nước". Khi cái gàu của cô gái chìm xuống nước thì Mặt trăng tan vỡ trong nước, hoà với nước, và khi cô gái lấy gàu lên thì múc luôn cả vàng Trăng, tương tự như bài Hồ Nhớ Rừng của Thế Lữ có câu:

Ta say mỗi đấng uống ánh trăng tan

Ở đây con hồ không hề ngửa mặt lên trời uống ánh trăng mà uống ánh trăng tan trong nước. Tóm lại nếu đây là hai câu thơ của Bàn Bá Lân thì chúng ta phải sửa lại cho đúng là :

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi.



Thời gian gần đây, giáo sư Hoàng Viêm cũng lên tiếng xác nhận hai câu ca dao trên thuộc 6 câu đầu trong bài thơ "Tiếng hát trong trăng" của Bàn Bá Lân.

Trời cao mây bạc trăng tròn

Để than hiu quạnh tre tàn nỉ non

Điều ai gọi gió véo von

Cành xoan đùa ánh trăng sông dịu dàng

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi?

.....

Giáo sư Hoàng Viêm chứng minh cho ý kiến của mình qua tâm sự của nhà thơ Bàn Bá Lân, và bài viết "Bút pháp và cá tính của nhà văn" đăng trên giai phẩm "Giữ thơm quê mẹ" số Xuân Bính Ngọ (Lá Bối xuất bản) của Nguyễn Hiến Lê :

"Cũng dùng kỹ thuật tạo hình ảnh cả mà bút pháp của Hàn Mặc Tử làm cho ta rờn rợn, hồi hộp

Trăng nằm sóng xoài trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi

.....

Ô kìa bóng nguyệt tràn trường tắm,

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.

của Bàng Bá Lân thì cho ta một cảm giác mát mẻ, vui vui :  
Hỡi cô tát nước bên đàng,  
Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi ?

của Quách Tấn thì có cái giọng trang nhã, cổ điển :  
Bồn chồn thương kẻ nương sông bạc,  
Lạnh lẽo sâu ai rụng giếng vàng.

(Để rõ hơn, mời Quý Vị vào hai link bên dưới, một của giáo sư Hoàng Viêm và một kia là của Hoàng Chí Giang, [newvietart.com/index4.294.html](http://newvietart.com/index4.294.html))

Tuy hai vị trên đã khẳng định câu ca dao là của nhà thơ Bàng Bá Lân, nhưng vẫn còn nhiều nghi vấn chưa có lời giải:

1- Tựa bài thơ không thống nhất.

Theo giáo sư Hoàng Viêm, Bàng Bá Lân nói với ông tựa là "Tiếng hát trong trăng". Còn Hoàng Chí Giang lại là "Trăng quê"

2- Vị trí hai câu ca dao trong bài thơ cũng sai biệt

Theo như bài viết của Hoàng Chí Giang, bài "Trăng Quê" có 12 câu như sau:

.....thiếu 2 câu đầu.....

Trời cao mây bạc trăng tròn

Đế than hiu quạnh tre tàn nỉ non

Điều ai gọi gió véo von

Cành xoan đùa ánh trăng suông dịu dàng

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi?

.....thiếu 4 câu cuối.....

Theo giáo sư Hoàng Viêm, 6 câu trên là 6 câu đầu của "Tiếng hát trong trăng"

3- Không có bài thơ đầy đủ

Giáo sư Hoàng Viêm và Hoàng chí Giang đều xác nhận bài thơ nhiều hơn 6 câu. Chúng ta cũng biết nhà thơ Bàng Bá Lân chỉ mới mất năm 1988, thơ ca là tài sản quý báu của một nhà thơ, như thế tại sao không thể tìm được bài thơ Trăng Quê (Tiếng Hát Trong Trăng) đầy đủ, một bài thơ đang gây nhiều nghi vấn, có thể chẳng là không hề có bài thơ này?

Có nhiều trang đăng bài "Tiếng Hát Trong Trăng" chỉ 6 câu, đây là một điều lạ, vì thơ lục bát Bàng Bá Lân hầu như không có bài nào 6 câu, thường chỉ có 4 câu, 12 câu...

4- Có nhiều câu ca dao cùng nội dung

Trong Ca Dao, có ít nhất là cặp tương tự chỉ khác ít chữ:

Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi

Hỡi cô tát nước bên đàng

Cớ sao hót ánh trăng vàng đổ đi

Cô kia tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

5- Trong thơ của Bàng Bá Lân cũng *sử dụng nhiều câu trong ca dao*.



Không chỉ bài thơ Trăng quê (Tiếng hát trong trăng) có hai câu ca dao, trong một số bài thơ khác, Bằng Bá Lân cũng sử dụng *trọn vẹn câu ca dao* hoặc *sửa đổi đi vài chữ*:

- Bài Thơ "Cô gái Đồng Nai" :

Cô em má đỏ môi hồng  
Buôn xuôi bán ngược có chồng hay chưa...  
Xe đò ai đón ai đưa  
Mà em đi sớm về trưa một mình

Ca dao:

*Cô kia má đỏ hồng hồng  
Dừng tay tôi hỏi có chồng hay chưa.  
Còn duyên kẻ đón người đưa  
Hết duyên đi sớm về trưa một mình*

Cô em má đỏ hồng hồng  
Sao không lấy chồng còn đợi chờ ai.

- Như bài: "Dịu dàng":

Bao giờ cho đến tháng năm  
Cho tắm ăn rồi cho tắm nhà thơ...

Ca dao:

*Bao giờ cho đến tháng năm  
Thối nôi cơm nếp vừa nằm vừa ăn.*

Trong thơ ca, nhất là những nhà thơ được gọi là nhà thơ đồng quê như Bằng Bá Lân, một nhà thơ nổi tiếng với dòng thơ dân dã, rất gần gũi với ca dao, từ đó không thể tránh khỏi sự vay mượn; sửa đổi đôi chút từ thể loại này.

Qua những gì trình bày ở trên, chúng ta *không thể khẳng định hai câu ca dao là của nhà thơ Bằng Bá Lân*.

Cho dù thực sự là của ông đi nữa, khi đã trở thành ca dao rồi, ông cũng không thể bắt mọi người phải sửa lại theo đúng ý ông (theo bài viết của giáo sư Hoàng Viêm).

Mà ông phải thuận theo qui luật tự nhiên của ca dao là có thể tam sao thất bản, thay đổi tùy theo tâm tư, tình cảm của người dân từng địa phương.

\*\*\*

Chú thích:

*Trong quyển "Ca dao tục ngữ Việt Nam" của tác giả Vũ Ngọc Phan có in hai câu ca dao:  
Hỡi cô tát nước bên đàng  
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*

\*\*\*

## Phụ đính I

### Bàng Bá Lân, chỉ một bài thơ Viên Linh

Mỗi khi ta nhắc đến tên một thi sĩ, người nghe thường hỏi lại, hay nói thêm, về sự đặc biệt của thi sĩ ấy, hay một điển hình nào đó, một tiêu biểu nào đó, để sự nhắc nhở có thêm ý nghĩa, thêm đậm đà.

Chẳng hạn có người nhắc đến nhà thơ Tú Xương, người ta thường nói “Ông tú Vị Xuyên,” hay “Tác giả bài thơ trào phúng Chúc Tết phải không: Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau.” Nhắc đến Tản Đà, người ta nhắc đến nhà thơ “Núi Tản sông Đà,” hay bài “Thề Non Nước,” bài dịch “Hoàng Hạc Lâu,” vì đó là bài lục bát nổi tiếng nhất của ông, và bài dịch kiệt xuất của sự dịch thơ Đường sang tiếng Việt. Gần chúng ta hơn, nói tới Vũ Hoàng Chương, người ta nhắc đến Thơ Say, đến “Mười Hai Tháng Sáu;” nói đến Nguyễn Bính, người ta nhắc đến “Lỡ Bước Sang Ngang,” đến “Em ơi em ở lại nhà, vườn dâu em hái mẹ già em thương.”

Thuở đất nước phân ly, Thơ hai miền của Việt Nam là hai thái cực, còn hẳn đong tới cả nửa thế kỷ sau. Miền Nam sau 54, nói đến Thanh Tâm Tuyền là có thể nhắc đến “Tôi không còn cô độc,” hay đọc vài câu thơ tự do điển hình của ông về tình yêu và thành phố: “Anh sợ những cột đèn đổ xuống, Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta, Bóp chết mọi hy vọng, Nên anh dìu em đi xa.” Nhắc đến thi sĩ Quách Thoại người ta nhớ đến “Như Bể trường tình” hay có thể đọc ngay thơ ông: “Mặt trời mọc! Mặt trời mọc! Rừng rưng màu hoa gạo, Lỡ một ngày mai tôi chết trần trụi không cơm áo!” (Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo).

Có một hai trường hợp lạ thường là có những câu thơ cả trăm người thuộc, mà không ai biết hai câu đó xuất xứ từ bài nào, không ai trưng dẫn được tên bài thơ, đó là hai câu nổi tiếng:

**Hỡi cô tát nước bên đàng**

**Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?**

Có người nghĩ đó là hai câu ca dao, tức là thơ do người dân vô danh làm ra, người dân ở đây không phải là một cá nhân, mà là nhiều người, mỗi người thêm thắt một ý, một chữ, cho đến khi nó trở thành toàn bích, nghĩa là không một ai là tác giả, mà tác giả là đám đông.

Nhưng có một thi sĩ nổi danh nhận rằng hai câu ấy là do ông làm, đó là thi sĩ Bàng Bá Lân. Tôi tin ông, vì ông vốn là một người không vướng mắc gì vào những chuyện tầm phào. Ông lại từng có những bài thơ xuất sắc.

Thi sĩ Bàng Bá Lân vốn họ Nguyễn - xuân, sinh tháng 11 Nhâm Tý (1913) tại Phủ Lạng Thương, song chính quán tại huyện Bình Lục, Hà Nam, nổi tiếng từ thời Tiền Chiến là một nhà thơ nồng nàn tình yêu đồng ruộng, mà thi phẩm đầu tay là Tiếng Thông Reo, xuất bản từ 1934 tại Hà Nội. Thơ ông mộc mạc, chất phác như tâm tình chân thật của ông với cuộc sống, bởi ông làm thơ từ cảnh từ tình trong cuộc sống của chính mình.

Nếu nói về toàn thể, sự nghiệp thơ ông không đồ sộ, song nếu có thi sĩ chỉ cần một bài mà lưu danh hậu thế, thì ông chỉ cần bài “Đói.” Bàng Bá Lân - và chỉ có ông, làm bài thơ cảm xúc nhất, dài nhất, kỹ nhất, về nạn đói năm Ất Dậu 1945. Bản thân người viết có nhiều kinh nghiệm về nạn đói năm Ất Dậu 45, khi còn là một đứa trẻ 7 tuổi. Một buổi trưa, đang đứng trước nhà ở Ga Đồng Văn, vừa đưa chiếc bánh nếp lên miệng, thì vèo một cái như con quạ đen từ giữa đường

cái quan, một thiếu niên cỡ 14, 15 đã bay xẹt qua tôi và trở lại chỗ cũ, miệng nó đang nhai nuốt cái bánh của tôi, còn vướng một mảnh lá bọc bánh trên miệng, hai hàm răng trắng nõn, hai tròng mắt trắng nõn nhìn tôi trừng trừng, còn tôi thì tay phải vẫn giơ lên trong cử chỉ đưa chiếc bánh vào miệng mình. Tôi không buồn tiếc gì vì trong nhà còn cả ổ bánh nghi ngút trên nồi nước mà mẹ tôi vừa nấu xong, nhưng tất cả đã làm tôi ngỡ ngẩn. Sau này trưởng thành, nghe nói và đọc sách báo, dường như trận đói ấy đã giết cả “hai triệu người” miền Bắc? Tôi chưa được đọc một tài liệu chính thức nào, nên chưa thể gọi là biết đúng sự việc ra sao, ngoài vài tấm hình.

Chỉ một bài thơ Đói, Bàn Bá Lân trên phương diện một tác giả, đã để lại cho đời sau ý thức về xã hội mà ông, một kẻ cầm bút, đã là một chứng nhân.

## Đói

Năm Ất Dậu tháng ba, còn nhớ mãi  
Giống Lạc Hồng cực trải lắm đau thương!  
Những thân ma thất thểu đầy đường,  
Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói!  
Đói tụt Bắc Giang đói về Hà Nội,



Nạn đói năm Ất Dậu – 1945.  
(Ảnh: Võ An Ninh)

Đói ở Thái Bình đói tới Gia Lâm.  
Khắp đường xa những xác đói rên nằm  
Trong nắng lửa, trong bụi làm co quắp.  
Giữa đồng giẻ chỉ còn đôi hố mắt  
Đọng chút hồn sắp tắt của thân ma;  
Những cánh tay gầy quờ quạng khua khoa  
Như muốn bắt những gì vô ảnh.  
Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,  
Một làn da đen sạm bọc xương đầu.  
Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu,  
Má hóp lại, răng hằn sâu góm ghiếc.  
Già trẻ gái trai không còn phân biệt,  
Họ giống nhau như là những thân ma,  
Như những bộ xương còn dính chút da,  
Chưa chết đã bốc ra mùi tử khí!  
Mùi nhạt nhẽo nặng nề kỳ dị,  
Một mùi tanh lộn mửa thoảng mà kinh.  
(Mùi tanh hôi ám ảnh mãi bên mình

Khiến cả thánɡ ăn không còn ngon bữa)  
Nhữnɡ thây đó cứ xỉu dần tắt thở,  
Nằm còng queo mắt vẫn mở trờnɡ trờnɡ.  
Trờnɡ con người còn độnɡ lệ rưng rưng,  
Miệng méo xệch như khóc còn đờnɡ đờ.  
Có thây chết ba hôm còn nằm đó,  
Ruồi tám phương bầu lại khóc vo...  
Rồi bên đờnɡ đôi nhát cuốc hữnɡ hờ  
Đắp điếm vùi nhữnɡ nắm mồ nờnɡ đói!  
Đói tặ Bắc Giang đói về Hà Nội,  
Đói ở Thái Bình đói tới Gia Lâm.  
Rải ven đờnɡ nhữnɡ nắm mộ âm thầm  
Được đánh dấu bằng ruồi xanh cỏ tốt.  
Có nắm mộ quá nờnɡ trờ hài cốt,  
Mùi hôi tanh nờnɡ nặ khắp không gian.  
Sau vài trận mưa nước xối chan chan,  
Ồi thịt rữa xương tàn rơi rải rác!  
Tại Hà Nội cũng như bao tỉnh khác,  
Nhữnɡ thây ma ngày lết đến càng đờnɡ;  
Đem ruồi theo cùng hơi hớ tanh nờnɡ,  
Rồi ngã gục cuối đầu dờnɡ xó ngõ.  
Thờnɡ sớm sớm cửa mỗi nhà hé ngỏ,  
Rụt rề xem có xác chết nào chặnɡ!  
Từng chiếc xe bò bánh rít khô khan  
Mỗi sáng dạo khắp nẻo đờnɡ nhật xác.  
Xác chờnɡ chất lù lù như đờnɡ rác,  
Đó đây thò khô đét một bàn chân  
Hay cánh tay gầy tím ngắt teo rặn  
Giờ chơi vớ như níu làn không khí,  
Như cầu cứu, như vẫy người chú ý...  
Có hơi thở tàn thoi thóp chưa thôi,  
Có tiếng cựa mình, tiếng nấc... nhữnɡ trờnɡ người  
Nhìn đầmlệ người chôn người chừa chết!  
Bốn ngoại ô mở ra từng đầyhuyết  
Được lấp đầybằng xác chết thờnɡ xuyên.  
Ruồi như mây bay ợp cả một miền...  
Chết! chết! chết! Hai triệu người đã chết!  
Họ là nhữnɡ người quê non nước Việt,  
Sống cần lao bên ruộng lúa, đờnɡ khoai.  
Lúa xanh rờn nhờ họ đổ mồ hôi,  
Nước Việt sống vì mồ hôi họ đổ.  
Năm ấy, thờ Nhật, Tây cùng đờ hộ,  
Chúng thi nhau cướp lúa của dân ta.  
Hết lúa rồi, hết sạch cả khoai ngô;  
Hết củ chuối, hết nhặn khô cả sắn!  
Ngày giáp hạt không còn chi gặmnhắn,  
Đói cháy lòng, đờnɡ nhá cả mồ cau;  
Nhá cả bèo và nuốt cả khô dầu!  
Đói! đói! đói! Người nhao lên vì đói!  
Đói tặ Bắc Giang đói về Hà Nội,  
Đói ở Thái Bình đói tới Gia Lâm.

Tạm biệt quê hương, lê gót âm thầm  
Trên rải rác mọi nẻo đường đất nước.  
Từng gia đình dất dứu nhau lê bước  
Đi lang thang mong sống tạm qua ngày.  
Đợi lúa lên hương, bông trĩu đầu cây.  
Hơn tháng nữa sẽ hồi cư sẽ sống!  
Nhưng đau đớn hỡi ơi là ảo mộng!  
Họ ra đi, hy vọng có ngày về!  
Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hỡi người quê.  
Dần lả gục khắp đầu đường xó chợ!  
Cùng lúc ấy, cũng trên đường rộn rã,  
Từng đoàn xe chuyên chở thóc vàng tươi.  
Thóc của dân đen, thóc của những người  
Đang chết đói vì thực dân cướp thóc.  
Thóc chúng cướp phần vung xài huy hoác,  
Phần chúng đem để mục nát trong kho!  
Ôi, đau thương, chưa từng thấy bao giờ...  
Trong lịch sử chưa bao giờ từng có!  
Hai triệu người, vì thực dân, lia bỏ  
Nước thân yêu, oan uổng chết đau thương,  
Trong lúc đầy đồng bát ngát, ở quê hương,  
Lúa mơn mớn đang ra đồng trở trái,  
Lúa trĩu hạt vàng tươi sai gập bội,  
Ngạt ngào thơm báo hiệu ấm no vui.  
Nhưng người đi không về nữa, than ôi!  
Lúa chín gục chẳng còn ai gặt hái!...  
Ta nhớ mãi cái thời kỳ đen tối!  
Quên làm sao tội lỗi kẻ xâm lăng!  
Quên làm sao mối thù hận khôn cùng!  
Quên sao được hai triệu người chết đói!  
Năm Ất Dậu tháng ba, còn nhớ mãi,  
Giống Lạc Hồng cực trải lắm đau thương!  
Những thân ma thất thểu đầy đường.  
Rồi ngã gục không đứng lên vì...đói!  
Đói tỵ Bắc Giang đói về Hà Nội,  
Đói ở Thái Bình đói tới Gia Lâm!...  
*Tháng Năm 1957*

Để nhớ thi sĩ, mất vào 21 tháng 10, 1988, như một điển hình cho Bàng Bá Lân, và một tiêu biểu trong Thơ Miền Nam, bài thơ mà ông làm sau khi đã vào Sài Gòn, hoàn tất vào tháng 5, 1957. Thế hệ cha anh chúng tôi và thế hệ chúng tôi chưa một ai viết được sự thật về nạn đói này. Chỉ nói chung chung là do quân Nhật gây ra. Tin tức kiểu truyền miệng, tệ hơn nữa là tin tức tuyên truyền có tính chính trị. Tôi hoàn toàn không tin. Thời đó nước ta ở dưới sự thao túng của ít ra là bốn thế lực: Pháp, Nhật, Việt Minh, Tàu, chứ không phải chỉ có Nhật. Và Mỹ, thế lực kết thúc Thế Chiến Thứ Hai, trong vòng vài chục ngày, đã đánh chìm hai trăm tàu bè của Nhật ngoài khơi Việt Nam, dĩ nhiên trong đó có chở lương thực cho quân Nhật ở Đông Dương. Quân chiếm đóng đói, thì dân phải chết.

(VL, trích đoạn Hồi Ký 60 Năm Làm Thơ Viết Văn Làm Báo)

## "Cổng làng" của Bằng Bá Lân Đào Ngọc Đệ

Bằng Bá Lân (17-12-1912/20-10-1988) (\*) tên thật là Nguyễn Xuân Lân, chính quê tổng Ngô Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, nhưng sinh ra ở phố Tân Minh, phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang. Bằng Bá Lân từng học Trường Bưởi, Hà Nội, có bằng Thành chung. Ông là một nhà thơ đồng quê nổi tiếng của Phong trào Thơ Mới, đồng thời là một nhà giáo, nhà nhiếp ảnh có tài năng. Bằng Bá Lân làm thơ, viết truyện, viết phiếm luận và cả sách giáo khoa, nhưng có giá trị hơn cả, là những tập thơ: "Tiếng thông reo" (1934), "Xưa" (1941- in chung với nữ sĩ Anh Thơ), "Tiếng sáo diều" (1939-1945), "Tiếng võng đưa" (1957), "Vào thu" (1969).

Trong "Thi nhân Việt Nam, 1932-1941", Hoài Thanh và Hoài Chân nhận xét về thơ đồng quê xứ Bắc: "Nguyễn Bính nhà quê hơn cả nên chỉ ưa sống trong tình quê mà ít để ý đến cảnh quê. Anh Thơ là một người thành thị đi du ngoạn, nên chỉ thấy cảnh quê. Bằng Bá Lân gần Anh Thơ hơn gần Nguyễn Bính. Bằng Bá Lân cũng ít sống trong tình quê. Nhưng người hiểu cảnh quê hơn Anh Thơ; hiểu hơn vì mến hơn. Thơ Bằng Bá Lân và "Bức tranh quê" đều là những bông hoa khả ái từ xa mới đưa về, nhưng bông hoa Bằng Bá Lân ra chiều đã thuộc thủy thổ hơn. Cho nên sắc hương nó cũng khác". Đúng vậy. Có lẽ sắc hương đồng quê trong thơ Bằng Bá Lân đọng lại tinh túy nhất là bài "Cổng làng", in trong tập "Tiếng sáo diều":

### Cổng làng

Chiều hôm, đón mát cổng làng,  
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi.  
Đồng quê vờn lượn chân trời,  
Đường quê quanh quất bao người về thôn.  
Sáng hồng lơ lửng mây son,  
Mặt trời thức giấc, véo von chim chào.  
Cổng làng rộn mở. Ôn ào  
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.  
Trưa hè bóng lặng nắng oi,  
Mái gà cục cục tìm mồi đất con.  
Cổng làng vài chị gái son  
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm.  
Những khi gió lạnh mưa buồn,  
Cổng làng im im bên đường lội trơn.  
Những khi trắng sáng chập chờn,  
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.  
Ngày mùa lúa chín thơm đưa,  
Rồi Đông gày chết, Xuân chưa vội vàng;  
Mừng xuân ngày hội cổng làng  
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.  
Ngày nay dù ở nơi xa  
Thăm quê, về đến cây đa đầu làng  
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng  
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.

"Cổng làng" của Bằng Bá Lân cuốn hút người đọc một cách kỳ lạ, nhẹ nhàng êm dịu mà đậm thắm, thiết tha, nhất là đối với những người đã ít nhiều năm từng sống ở các làng quê xứ Bắc. Tôi được học bài này trong sách giáo khoa tiểu học từ năm 1953, đến bây giờ, ngót sáu thập

niên, vẫn thuộc, vẫn nhớ bài thơ “khả ái” này, không lẫn với các bài thơ cảnh quê, tình quê của bất cứ tác giả nào khác, từ thời Thơ Mới cho đến nay.

Đầu tiên là cảnh cổng làng lúc chiều hôm. Đây là thời điểm điển hình nhất của cổng làng, tập trung cảnh sắc đất trời làng quê: Có mây gió, có cánh đồng mênh mang sóng lúa, có con đường uốn khúc quanh co và những con người nơi thôn dã, với những nét bình dị, thân quen: “Chiều hôm đón mát cổng làng...”.

Tiếp đó là cảnh cổng làng buổi bình minh- thời điểm rộn rã nhất của làng quê: “Sáng hồng lơ lửng mây son...”. Cảnh vật được thể hiện thật hồn nhiên, hài hòa giữa màu sắc tươi sáng của mây trời lúc rạng đông, với âm thanh trong trẻo của tiếng chim hót và tiếng nói, tiếng cười của đám nông phu. Hai câu thơ “Cổng làng rộng mở. Ôn ào/ Nông phu lững thững đi vào nắng mai”: Câu “lục” được ngắt nhịp bất ngờ, tách riêng “Ôn ào” thành một câu đặc biệt, gợi mở niềm vui một ngày mới và sự náo nhiệt nơi cổng làng buổi sáng tinh mơ; đồng thời làm ta nhớ tới cách ngắt nhịp độc đáo và mới mẻ trong hai câu tuyệt bút của thi sĩ tài danh Thế Lữ: “Trời cao xanh ngắt. Ô kia/ Hai con hạc trắng bay về Bồng lai” (“Tiếng sáo thiên thai”).

Còn đây là cảnh cổng làng lúc mặt trời đứng bóng: “Trưa hè bóng lặng nắng oi/ Mái gà cục cục tìm mỗi đất con/ Cổng làng vài chị gái son/ Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm”. Cổng làng buổi trưa hè được thi sĩ quan sát tinh tế và miêu tả chân thực. Từ “uể oải” vốn không mấy giá trị thẩm mỹ, nhưng đi liền với hình ảnh “vài chị gái son ... chờ cơn gió nồm” thì lại có sức gợi cảm một cách rất tài tình. Không gian nơi cổng làng còn được nhà thơ phác họa khéo léo qua những nét biến đổi thời gian theo mùa vụ. Trong tiết thu đông có mưa, cổng làng vắng lạnh, hiu hắt:

“Những khi gió lạnh mưa buồn/ Cổng làng im ỉm bên đường lộ trơn”. Và bỗng trở nên đẹp một cách huyền ảo, quyến rũ trong đêm trăng sáng thơ mộng, thấp thoáng những bóng hình thiếu nữ: “Nhưng khi trăng sáng chập chờn/ Kia bao nhiêu bóng trên đường thướt tha”.

Quang cảnh cổng làng lướt nhanh qua vụ mùa thơm hương lúa chín, rồi mùa đông trôi đi nhưng dư vị vẫn còn đọng lại, còn mùa xuân thì chậm chậm đến. Và đây là cảnh hội làng mùa xuân nhộn nhịp, hấp dẫn, rất đáng yêu: “Mừng xuân ngày hội cổng làng/ Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ”. Bàng Bá Lân coi trọng cảnh quê, còn tình quê thì chỉ biểu hiện một cách kín đáo.

Nhưng đến khổ cuối của bài thơ, thi sĩ không kìm nén được cảm xúc yêu mến làng quê, tha thiết nhớ những kỷ niệm, qua cái cổng làng đã từng gắn bó một thời: “Ngày nay dù ở nơi xa/ Nhưng khi về đến cây đa đầu làng/ Thì bao nhiêu cảnh mơ màng/ Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre”. Tình quê bây giờ da diết thế!

Bây giờ, thời kỳ đổi mới, các cổng làng thân quen, đáng yêu của các làng quê Bắc Bộ hầu như không còn nữa. Nhưng với bài thơ “Cổng làng” của Bàng Bá Lân, nhiều người chúng ta hôm nay vẫn lưu luyến, nhớ nhung cái cổng làng quê thân yêu và giàu kỷ niệm một thời.

## Bàng Bá Lân, làm thơ để sống lại quá khứ Viên Linh



(Hình: Viên Linh cung cấp)

Trong toàn bộ tập sách Nhà Văn Hiện Đại ghi rõ là “phê bình văn học” của Vũ Ngọc Phan, theo bản in lần thứ hai mà chúng tôi có, in vào tháng 10, 1951, do Văn Hồng Thịnh Hà Nội xuất bản, sau này in lại ở hải ngoại, chỉ có mười thi sĩ được nói đến, trong đó có hai người hầu như ít ai biết đến tên tuổi (là các ông Nguyễn Giang và Bùi Huy Cường), số còn lại tám thi sĩ được chọn kia không có Nguyễn Bính, cũng không có Bằng Bá Lân. Người ra sẽ nghiệm ra nhiều điều một khi tìm hiểu văn học sử; nhiều người bị bỏ sót không phải vì họ không có tài, mà vì nhiều nguyên do khác nhau, hoặc là nhà ngụy sử không có tài; sau là có cả nguyên do nhà ngụy sử văn đàn thật ra chỉ là một ông thi sĩ khác đóng vai ngụy sử, chuyện ấy đầy rẫy. Hay khi tập sách Nhà Văn Hiện Đại viết xong (tháng 12, 1942), Bằng Bá Lân chưa xuất hiện?

Thi sĩ Bằng Bá Lân sinh tháng 11 năm 1912 tại phố Tân Ninh, Phủ Lạng Thương (Bắc Giang), nhưng gốc làng Đôn Thư, phủ Bình Lục (Hà Nam, Bắc Việt). Dòng dõi Nho gia, ông nguyên họ Nguyễn Xuân, mới đổi ra họ Bằng khoảng ba đời. Ông theo học các trường công ở Phủ Lý, Phủ Lạng Thương, khi lên trung học vào trường Bảo Hộ Hà Nội (Bưởi hay Chu Văn An), tốt nghiệp bằng Thành Chung. Về sự nghiệp văn chương, Bằng Bá Lân đã từng viết các báo: Đàn Bà (1939-1945), Công Dân, Hạnh Phúc, Nhân Loại (bộ cũ), Tia Sáng. Thi phẩm đã xuất bản: Tiếng Thông Reo (1934), Xưa (1941, in chung với Anh Thơ). Viết từng ấy báo và xuất bản hai thi phẩm, nhiều người đã biết đến tên tuổi ông, nhưng có thể ông Vũ Ngọc Phan không biết.

Sau 1954 ở miền Nam, ông viết cho Văn Nghệ Tập San (1955), Phổ Thông, xuất bản Thơ Bằng Bá Lân, Tiếng Vọng Đưa (1957). Thật ra ông còn nhiều tác phẩm khác nữa như Người Vợ Cầm (1960), Vào Thu (1969), Kỷ Niệm Văn thi sĩ Hiện đại, viết theo thể ký ức. Bằng Bá Lân còn là một nhà giáo, dạy môn Việt văn tại các trường Văn Lang, Cộng Hòa, Hoàng Việt (Sài Gòn), và là một nhiếp ảnh gia đã từng tham dự triển lãm tại nhiều nước ở Âu Mỹ và từng được nhiều giải thưởng quốc tế. (1)

Sau khoảng 15 năm cầm bút, quan niệm về việc sáng tác của ông ra sao? Được nhà văn Nguyễn Ngu Í phỏng vấn: “Ông sáng tác để làm gì? Sáng tác theo một đường lối nhất định hay tùy hứng” Bằng Bá Lân đáp:

–“Có thể nói rằng tôi làm thơ cũng như chim ca hót, ve than nắng, cuộc kêu hè, dế nỉ non khi hàng hôn xuống... và nếu bị cấm làm thơ thì chắc tôi khổ sở vô cùng! Nói [sáng tác theo] đường lối nhất định nghe có vẻ chính trị hoặc khoa học quá! Nhưng thật ra thơ tôi có thiên về một hướng: ấy là nông thôn. Có lẽ tại buổi thiếu thời tôi đã sống nhiều ở thôn quê, những cảnh vật và nếp sống của người dân quê đã in sâu vào trí não tôi nên về sau dù ở đâu tôi cũng vẫn không quên được mái đình cong cong, cây đa cô độc, ngô tre thăm thẳm, đám mạ xanh rờn, đồng lúa vàng hoe, cùng những buổi nắng sớm mưa chiều, trưa Hè oi nồng, đêm đông lạnh giá với mùa cấy mùa gặt vất vả nhưng đông vui vang rộn giọng ví lời ca chan chứa tình thương một mực. Những cảnh vật đó cứ ám ảnh tôi hoài, bắt tôi phải nghĩ tới, nhớ tới chúng. Vì thế, hình ảnh chúng đã choán khá nhiều chỗ trong thơ tôi. Có thể nói rằng tôi làm thơ phần nhiều là để được sống lại những ngày tháng mộc mạc êm đềm đã qua bên bờ tre rặng lúa.” (3)

Sống ở nông thôn nhiều năm rõ ràng vì vậy mà thơ ông thường lấy đề tài về đồng quê, và đã được tặng cho danh hiệu là “nhà thơ của đồng áng.” Ông chính thức bước vào làng Thơ năm 1939 bằng tác phẩm Tiếng Thông Reo (với lời tựa của nhà văn Lê Văn Siêu), và đã nổi tiếng ngay là một nhà thơ đồng quê. Nếu Anh Thơ là nữ thi sĩ tiêu biểu cho lối thơ trên, thì Bằng Bá Lân, “từ khi phong trào Thơ Mới thịnh hành cho đến khi Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ trên mảnh đất này, trong phạm vi thi ca đất nước, chưa có một thi nhân nào làm thơ về phong tục, đồng quê và tả cảnh xuất sắc như Bằng Bá Lân là nhà thơ tiên phong mở đầu cho lối thơ đồng quê, sau Đoàn Văn Cừ nối tiếp với thi phẩm Ngày Nay, nhưng vẫn không hơn được những nét đặc sắc của Bằng Bá Lân.” (2) Ông có những câu thơ phổ biến trong nhân gian đến nỗi tưởng đó là ca dao, như: *Hỡi cô tát nước bên đàng- Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*



Đó là những gì về Bằng Bá Lân và đất Bắc. Sau 1954 vào Nam, ông cũng vẫn lấy cuộc sống quanh mình đem vào thơ, [không kể trường hợp năm 1957 ông nhớ lại thảm cảnh đói của vùng quê Bắc Việt (Thái Bình, Nam Định, và làm những vần kiệt tác trong bài thơ Đói)]. Cảnh sống miền Nam nhập vào tâm hồn chân phương mộc mạc của Bằng Bá Lân sâu đậm nhất là ở khía cạnh thổ ngữ và tiếng nói. Trong văn bản trả lời cuộc phỏng vấn của nhà văn Nguyễn Ngũ Í về “bài thơ tác giả ưa thích nhất,” Bằng Bá Lân cho biết: đó là “giọng nói của đồng bào miền Nam, nhất là giọng nói của những bà những cô đang thời xuân sắc.”

Bằng Bá Lân cho biết ông đặt chân lên đất Đồng Nai hơn một tháng trước khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết. Điều ông chú ý hơn hết là giọng nói quyến rũ của phụ nữ miền Nam.” Ngay tháng 6, 1954 ông đã làm bài thơ “Tôi Yêu” có câu mở đầu trực tiếp là “Tôi yêu tiếng Việt miền Nam,” đăng trên tờ báo “Đây Sài Gòn” nhưng sau này thấy còn hơi hợt bông bột quá, ông làm lại bài thơ – vẫn “tứ” ấy, nhưng thêm ý thêm lời -, và đổi nhan đề bài thơ đi, thành bài khác hay hơn, đăng trên tạp chí Tân Phong [của Trương Bảo Sơn] và được truyền tụng đăng đi đăng lại ở nhiều báo. Bài thơ đã đáp ứng cho nhiều người, nói giùm nhiều người phương Bắc về tâm tình họ đối với miền Nam bao dung của nước Việt.

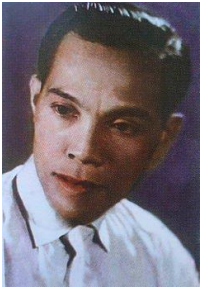
### Tiếng Việt miền Nam

Ôi! Tiếng Việt miền Nam  
Nghe sao mà âu yếm  
Giọng ngân dài lưu luyến  
Cho lòng ta thương vương.  
Ôi! Thương ai em thương thiệt là thương!  
Em, cô gái Đồng Nai lòng cởi mở  
Từ quen em, nắng vàng thêm rực rỡ  
Dừa thêm xanh và vú sữa thêm ngon.  
Lời em thơm như măng cụt no tròn  
Giọng em ngọt như xoài vừa chín tới.  
Những chữ ngân dài như gió thổi  
Còn chữ C, G nghe đọc lổn mà yêu.  
Giọng TR trong trẻo đúng bao nhiêu!  
Và anh nữa, ôi tiếng anh nũng nịu:  
-Mong “ăn” mãi! Nhớ “ăn” hoài! “Ăn” có hiểu?  
Em thương “ăn” quá xá là thương!  
Lời em ngon như có mật có đường  
Ta sung sướng gần em nghe giọng nói.  
-Hãy nói nữa, nói nhiều đi em hỡi!  
Qua không cần hiểu ý chỉ cần nghe  
Giọng nói du dương, say đắm, mê mê,  
Như nhạc sóng của Đồng Nai, sông Cửu.  
Nhưng em bỗng ngừng im. Em nũng nịu:  
-Nói đi “ăn,” nghe giọng Bắc em thương!  
Cầm tay em, say ngấm cặp môi hường  
Lòng tràn ngập niềm mến thương đậm thắm.  
Ôi! Nam Bắc đã xa nhau vạn dặm  
Vẫn cùng chung tiếng mẹ, vẫn quê cha  
Gặp nhau đây trong ánh nắng chan hòa  
Hai giọng nói cùng đồng ca hợp tấu.

Hai huyết quản vẫn cùng chung dòng máu  
Hai tâm hồn hòa hợp cảm thông nhau  
Tiếng Việt miền Nam, giọng nói nhiệm màu  
Có phép lạ khiến tình ta lưu luyến.  
Em! Cô gái miền Nam ta thương mến  
Muốn gần em, gần mãi để nghe em!  
(Vào Thu, 1954-1955)

- (1) Tài liệu tổng hợp từ Nguyễn Ngũ Í trong báo Bách Khoa số 111, Phạm Thanh trong Thi Nhân Việt Nam Hiện Đại, Khai Trí xuất bản tại Sài Gòn năm 1959 – Thơ Mới, Tác Giả & Tác Phẩm, NXB Hội Nhà Văn - và theo Ng. Tấn Long, Ng. Hữu Trọng trong Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến.  
(2) Ng. Tấn Long, Ng. Hữu Trọng, Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến, 1967.  
(3) Bách Khoa số 111, trang 91-93.

## Bàng Bá Lân Hòai Thanh & Hòai Chân



Sinh năm 1913 (tháng chạp năm Nhân tí) ở phố Tân Ninh, Phủ Lạng Thương (Bắc Giang).  
Chánh quán: làng Đôn Thư, phủ Bình Lục (Hà Nam). Học trường Vôi (Bắc Giang), trường Phủ Lý, trường Phủ Lạng Thương, trường Bảo Hộ Hà Nội. Có bằng thành chung.  
Đã xuất bản: Tiếng thông reo (1934). Xưa (hợp tác với Anh Thơ, 1941)

Đồng quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng. Nguyễn Bính nhà quê hơn cả nên chỉ ưa sống trong tình quê mà ít để ý đến cảnh quê. Anh Thơ không nhà quê tí nào, Anh Thơ là một người thành thị đi du ngoạn nên chỉ thấy cảnh quê. Bàng Bá Lân gần Anh Thơ hơn gần Nguyễn Bính. Nhưng người hiểu cảnh quê hơn Anh Thơ; hiểu hơn vì mến hơn. Thơ Bàng Bá Lân và "Bức tranh quê" đều là những bông hoa khả ái từ xa mới về, nhưng bông hoa Bàng Bá Lân ra chiều thuộc thủy thổ hơn. Cho nên sắc hương của nó cũng khác.

Bàng Bá Lân hông có cái tỉ mỉ của Anh Thơ, không nhìn đủ hình dáng đời quê như Anh Thơ. Anh Thơ có khi nhìn cảnh không mến cảnh, Bàng Bá Lân có khi lại mến cảnh quên nhìn, nhưng đã lưu ý đến cảnh nào, Bàng Bá Lân thường lưu luyến cảnh ấy. Như khi tả một buổi sáng:

Cổng làng rộng mở. Ôn ào  
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

Ta thấy rõ người mến cảnh ấy lắm: lòng người cùng rộng mở với cổng làng và cùng vui với nông phu trong nắng sớm.

Bởi thế có lúc người đã cảm được hồn quê vẫn bàng bạc sau cảnh vật. Tôi không biết làm thế nào nói cho ra điều này. Ấu là cứ trích ít câu thơ của Bằng Bá Lân:

Quán cũ nằm lười trong song nắng,  
Bà hàng thưa khách ngả thiu thiu,  
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...  
Đứng lặng lẽ trong mây một cánh diều.

Cả cái hồn lặng lẽ ngây ngất của đồng quê dưới nắng trưa như ngưng lại trong mấy câu ấy.

Một lần khác, tả cảnh trưa hè trong một gian nhà tranh tịch mịch, người viết:

Bụi nằm lâu chán xà nhà  
Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu.

Mười bốn chữ, chữ nào cũng mang nặng một chút hồn! Thiết tưởng người ta không thể đi sâu vào cảnh vật xứ quê hơn nữa.

Ấy cũng vì Bằng Bá Lân sau khi đã hấp thụ ở thành thị một nền học khá, liền về ở nhà quê luôn. Người sống cuộc đời thông dong một ông chủ trại, thì giờ để làm ruộng ít hơn là để làm thơ. Chuyện mộng của nhiều người, với Bằng Bá Lân đã thành chuyện thực. Có nhiều người thanh niên làm gì thì làm vẫn ước ao thú điền viên, cái thú thân yêu của nhà nho ngày trước. Họ không đủ can đảm sống lam lũ như những dân quê thực. Nhưng thành thị thì họ chán ghét lắm rồi. Họ tức tối mỗi lần nghĩ đã đưa giọt máu trong sạch và cường tráng của ông cha đến nơi hèn hò của bệnh tật, của tội lỗi...

\*\*\*

Trưa hè

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,  
Nằm mát, đàn trâu ngấm nghỉ nhai.  
Ve ve rung cánh, ruồi say nắng;  
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió;  
Đồng cỏ cào phỏ cánh lượn hồng,  
Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;  
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,  
Bà hàng thưa khách ngả thiu thiu  
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...  
Đứng lặng trong mây một cánh diều.

Cành thưa, nắng tươi, chim không đứng;  
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.  
Vài cô về chợ buông quang thúng  
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.

Thời gian dừng bước trên đồng vắng;  
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.  
Như mơ đường khói lên trời nắng;  
Trường học làng kia tiếng trống vào.  
(Tiếng sáo diều)

### Cổng làng

Chiều hôm đón mát cổng làng,  
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi  
Đồng quê vờn lượn chân trời  
Đường quê quanh quất bao người về thôn

Sáng hồng lơ lửng mây son  
Mặt trời thức giấc, véo von chim chào  
Cổng làng rộng mở. Ôn ào  
Nông phu lững thững đi vào nắng mai

Trưa hè bóng lặng nắng oi  
Mái gà cục cục tìm mồi đất con.  
Cổng làng vài chị gái non,  
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm

Những khi gió lạnh mưa buồn  
Cổng làng im ỉm bên đường lội trơn  
Những khi trăng sáng chập chờn,  
Kia bao nhiêu bóng trên đường thướt tha

Ngày mùa lúa chín thơm đưa  
Rời Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng  
Mừng Xuân ngày hội cổng làng  
Là nơi chen chúc bao nắng ngậy thơ

Ngày nay dù ở nơi xa,  
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng  
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng  
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.  
(Tiếng sáo diều)

Tháng 10-1941

(Nguồn: Thi Nhân Việt Nam, Hoài Thanh - Hoài Chân)

\*\*\*

## Phụ đính II



### Chùm thơ Bằng Bá Lân

#### Tiếng sáo diều

*Lòng quê gọi tiếng sáo diều,  
Ai ơi, hãy đợi những chiều gió lên.*

Đêm vắng đìu hiu. Sáo nữ non,  
Giải niềm thương nhớ với trăng tròn.  
Muôn lời tình tứ yêu đương ấy,  
Làng gửi vào trong miệng sáo con.

Từng sợi dây duyên kết giữa trời,  
Nối liền dây đay, chị Hằng ơi!  
Hồn làng vợ vẫn năm canh vắng,  
Mãi mãi muôn đêm nhớ một người.

Vì chỉ xa trông, chẳng được gần,  
Mượn diều thả thả với trăng tân.  
Nàng trăng cảm ý, buồn man mác,  
Lặng lẽ nhìn lâu xuống cõi trần.

Ta giống làng khuya, em giống trăng;  
Làng buông diều sáo tới cung Hằng.  
Làng kia còn có diều xe mỗi,  
Ta gởi tình yêu chẳng nói năng!

#### Tết xưa

Tết về, nhớ bánh chưng xanh,  
Nhớ tràng pháo chuột, nhớ tranh lợn gà.  
Nhớ cành đào thắm đầy hoa,  
Nhớ giây phút đợi giao thừa nghiêm trang.  
Nhớ ngũ vị, nhớ chè lam,  
Nhớ cây nêu, nhớ khánh vang tiếng sành.  
Nhớ tam cúc đẹt: Nhớ... mình!  
Nhớ cân mút lạc, nhớ khoanh giò bì...

Bắc, Nam từ buổi chia lìa.  
Xuân sang mỗi độ nhớ về xa xưa.  
Đã tàn hơn một giấc mơ,  
Ngược dòng kỷ niệm ấu thơ ngại ngừng!

(Miền Nam, xuân Đinh Dậu)

### **Quê tôi**

Quê tôi có lúa, có dâu,  
Có đàn cò trắng, có câu huê tình.  
Có cây đa, có mái đình,  
Có bầy thôn nữ xinh xinh dịu dàng.  
Mùa thu có những hội làng,  
Có cây đu buổi xuân sang dập dìu.  
Gió vi vu tiếng sáo diều,  
Ru hồn mục tử chiều chiều trên đê.  
Chợ làng có lắm quà quê;  
Bánh đa, bánh đúc, bánh kê, bánh dày...  
Đầu thôn có túp quán gầy:  
Tình quê như bát nước đầy chè tươi.  
Ngõ tre khúc khích gió cười.  
Vườn quê thơm mát hương nhài hương cau.  
Tháng tư chanh cốm gọi đầu,  
Hương sen ngát cả vườn rau ao bèo.  
Tháng hai hoa bưởi rơi nhiều,  
Ong ong, bướm bướm dập dìu tìm hoa.  
Khum khum giàn mướp ao nhà,  
Cầu tre lũ trẻ vui đùa tập bơi.  
Tiếng gà trưa lẳng chơi vơi,  
Tiếng chim cu gáy: Buồn ôi là buồn!  
Ngày ngâu gió kếp mưa đơn  
Mái tranh rỏ những lệ buồn vu vơ.  
Đêm dài, nhịp tiếng võng đưa  
Lời ru ời ợi ngàn xưa vọng về...  
Nhớ nhung, sầu mắc lê thê,  
Xa xôi, nghe dậy hồn quê nào nùng!

### **Giếng làng**

Hẹn nhau bên bờ giếng  
Chờ nhau lúc rạng trăng  
Nàng vâng vâng dải yếm  
Chàng nắm sữa vành khăn.

Dưới trăng nàng bối rối  
Dưới trăng chàng bấn khoăn  
Nhìn nhau mà chẳng nói

Bốn mắt đòng trắng rằm...

Hẹn nhau bên bờ giếng  
Chờ nhau lúc rạng trăng  
Trăng đến, nàng không đến  
Chàng lo buồn đăm đăm.

Nàng đã đi làng khác  
Theo một người khăn đen  
Không còn nghe giọng hát  
Bên đình lúc nguyệt lên.

Ai cúi mình trên giếng?  
Ai thả gàu múc trăng?  
Ai cười yêu nửa miệng?  
Tan rồi mộng gối chăn!

Không hẹn bên bờ giếng  
Không chờ lúc rạng trăng  
Đêm đêm chàng vẫn đến  
Bên giếng khóc âm thầm.

Đêm nay chàng lại đến  
Bên giếng khóc âm thầm  
Bỗng gặp bên bờ giếng  
Đôi bóng người dưới trăng.

Nàng cũng về dải yếm  
Chàng cũng nắm vành khăn  
Cũng nhìn nhau âu yếm  
Bốn mắt đòng trắng rằm.

Giếng trắng, nơi hò hẹn  
Giếng trắng, nơi hẹn hò  
Từ xa xưa đến bây giờ  
Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan.

### **Chiều quê**

Mặt trời đỏ thắm sau tre,  
Tiếng trâu ghé ọ trên đê gọi đàn.  
Buồn thiu trong mảnh ao làng,  
Bè rau rút ngủ lá vàng héo hon.

### **Gái xưa**

Nhớ em da trắng tóc dài  
Khăn vuông mỏ quạ, dáng người thon thon  
Lăn mình trong áo nâu non,

Môi hồng cắn chỉ trầu thơm miệng cười,  
Răng đen nhánh, má đào tươi,  
Mắt băng khuâng nói những lời yêu đương.  
Giọng êm đằm ấm dễ thương.  
Lời ca tình tứ, vấn vương ngọt ngào.  
Tiếng cười trong trẻo làm sao.  
Ban mai trời đổ mưa rào giòn tan  
Em là con gái Bắc Giang  
Đôi dòng trong đục sông Thương... ỡm ờ.  
Nói cười ra giọng lắng lơ,  
Niềm ăn nết ở xem thừa đoan trang.  
Sớm chiều dưới ruộng trên nương,  
Gặp em nghe dậy niềm thương dạt dào.  
Nhớ cô em gái vùng Lim,  
(Ồ kia nghe đập con tim thuở nào!)  
Mưa bay, gió lạnh, hoa đào...  
Giọng ca quan họ ngọt ngào ái ân.  
Nhớ nàng con gái mười lăm,  
Cười tươi như ánh trăng rằm đêm nao.  
Nhớ em cô gái làng Bo,  
Ven sông Bồ Hạ quanh co đầy thuyền.  
Gần em quên hết ưu phiền,  
Tình em như trái cam hiền ngọt thơm...

(Vào thu - gái quê Kinh Bắc)

### **Nhà dột**

Bốn bề gió lạnh vào thăm  
Ba gian mưa ướt biết nằm nơi nao?  
Đế ngâm thơ ở khe nào?  
Báo cho ta biết ta vào trú mưa.

(1943)

### **Người "trâu"**

Trời xám thấp, rặng tre già trút lá  
Đầy ngõ thôn hun hút gió chiều đông  
Sương mù bay phơ phớt toả đầy đồng  
Hơi lạnh cắn vào làn da cóng buốt.  
Trong thửa ruộng chân dê tràn ngập nước  
Đôi bóng người đang chậm bước đi đi...  
Người đàn ông cúi rạp bước lẫm lẫm  
Người vợ cố đẩy bừa theo sát gót.  
Họ là những nông phu nghèo bậc chót  
Không có trâu nên người phải làm... trâu.  
Hồ bừa ngậm một thửa ruộng chiêm sâu  
Nước đến bụng, ôi rét càng thêm rét!



Áo rách tướp hở ra từng miếng thịt  
Tím bầm đen trong gió lạnh căm căm.  
Hì hục làm thỉnh thoảng lại dừng chân  
Véo là ném lên mặt đường từng vốc...  
- Nhác trông ngõ nắm bùn hay nắm đất -  
Nhìn lại xem: ô đồng đĩa đen sì...

Ta rùng mình quay mặt bước chân đi  
Lòng tê tái, một mối sầu u ám  
Trời càng thấp. Tầng mây chì càng xám  
Mưa phùn gieo ảm đậm khắp đồng quê  
Gió chiều nay sao lạnh buốt, lê thê.

Nguồn: Mùa đông trong thi ca

### Tiếng võng đưa

Nắng lửa rung rinh  
Xóm tre lặng lẽ  
Tiếng võng nhà ai ru trẻ  
Nặng nề chậm chạp đong đưa...

Nặng nề chậm chạp đong đưa...  
Cót ca cốt kết nhịp thơ muôn đời  
Bồng bồng bông... Ạ ời ời...  
Cót ca cốt kết muôn đời nhịp thơ.

Ta say sưa  
Nghe tiếng võng đưa  
Ru hồn mơ  
Trong lời thơ  
Dân tộc,  
Mơ màng lắng nghe tiếng khóc  
Của thời mặng sưa xa xôi

Ạ ời ời...  
Ạ ời ời...  
Cót ca cốt kết  
Muôn đời  
Nhịp thơ...

Tiếng võng đưa  
Cót ca cốt kết  
Trưa hè nắng khét  
Bà ru cháu say sưa...

Tiếng võng đưa  
Cót ca cốt kết  
Mẹ đi biển biệt  
Chị ru em ời ời...

...  
À ời ời...  
À ời ời...  
Cót ca cóc két  
Muôn đời  
Nhịp thơ.  
Và đây những vần thơ  
Nhịp theo tiếng võng đong đưa  
Nhịp theo lời ru êm ái.  
Tình quê hương vời vợi  
Hồn dân tộc mang mang...  
Bao giờ nổi lại giang san  
Mà nghe tiếng võng mơ màng đó đây.

6.1957

Nguồn: Mùa hạ trong thi ca,

### **Trưa hè**

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,  
Nằm mát, đàn trâu ngẫm nghĩ nhai.  
Ve ve rung cánh, ruồi say nắng;  
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió;  
Đồng cỏ cào phò cánh lướt hồng,  
Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;  
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,  
Bà hàng thừa khách ngủ thiu thiu  
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...  
Đứng lặng trong mây một cánh diều.

Cành thưa, nắng tưới, chim không đứng;  
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.  
Vài cô về chợ buông quang thúng  
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.

Thời gian dừng bước trên đồng vắng;  
Lá ngật ngừng sa nhẹ lướt ao.  
Như mơ đường khói lên trời nắng;  
Trường học làng kia tiếng trống vào.

Nguồn: Hoài Thanh, Hoài Chân,  
*Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2007

### **Chưa bao giờ thương thế**

Đòi ta bao lần đại,  
Chỉ vì nhiều tự ái  
Đòi hỏi nơi người tình  
Một lòng yêu băng trinh.

Em yêu ta đã rõ,  
Còn thử thách hoài hoài.  
Năm với năm là mười,  
Vẫn chưa cho là đủ!

Hơn một chút là giận,  
Chưa chi đã vội hờn.  
Để làm em đau buồn,  
Không tiếc lời cay đắng...

Em cần rằng chịu đựng  
Phản ứng thiệt dịu dàng.  
Được thế, ta lại càng  
Làm em thêm đau khổ!

Em được gì kia chứ?  
Mà phải chịu đau buồn.  
Ta được gì kia chứ?  
Mà làm em đau thương.

Đêm nay em chợt ghé,  
Em mở lòng cho xem:  
Ôi thương em, thương em!  
Chưa bao giờ thương thế!